

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓP CỘP
TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 28-01-2021

V/v: Yêu cầu giải quyết ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓP CỘP - TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Trung Thành, bà Hoàng Thị Kiều.

Thư ký Tòa phiên tòa: Ông Hà Văn Thiết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc: Yêu cầu giải quyết ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Lò Văn H.**

Nơi cư trú: Bản D, xã D C, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: **Chị Vì Thị T.**

Nơi cư trú: Bản D, xã D C, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa anh H, chị T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020 của nguyên đơn là Anh Lò Văn H có nội dung:

Giữa anh và chị Vì Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/6/2004, tại UBND xã D C, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La. Trong thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, theo anh H thì mâu thuẫn xuất phát từ mức thu nhập của anh thấp hơn chị T, cũng vì lý do này mà chị T coi thường anh H và dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Tháng 08/2018, anh H, chị T cùng hai bên gia đình đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận chia tài sản chung, vay nợ chung và sống ly thân từ đó cho đến ngày 12/10/2020, thì anh H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Vì Thị T.

Về con chung: Có 02 cháu là Lò Văn K, sinh ngày 27/7/2000 và Lò Thị Phương T, sinh ngày 18/10/2006. Anh H đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu T để quyết định người trực tiếp nuôi cháu sau ly hôn.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, anh Hải đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau:

- Trích lục kết hôn (bản sao);
- Sổ hộ khẩu (bản sao);
- Giấy khai sinh cháu Lò Văn K và Lò Thị Phương T (Bản sao);
- Giấy CMND của Anh Lò Văn H (Bản sao);
- Biên bản thỏa thuận chia tài sản chung ngày 30/8/2018 (bản viết tay).

Tại văn bản trình bày ý kiến của bị đơn là chị Vì Thị T có nội dung:

Thừa nhận việc vợ chồng tự nguyện kết hôn như anh H trình bày; thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp và theo chị T thì anh Hải có dấu hiệu ngoại tình. Vợ chồng sống ly thân từ sau ngày 30/8/2018 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu như anh Hải trình bày, trường hợp ly hôn thì chị Thanh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 cháu, yêu cầu anh Hải cấp dưỡng nuôi cháu Lò Thị Phương Thảo 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng trên một tháng) cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Thừa nhận do vợ chồng đã tự thỏa thuận xong, do vậy yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến của cháu Lò Thị Phương T có nội dung: Hiện bố mẹ cháu không sống cùng nhau nữa, do vậy sau khi Tòa án giải quyết ly hôn cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ cháu là chị Vì Thị T.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 17/11/2020, thì ngoài những tài liệu, chứng cứ do anh H đã giao nộp, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Tại phiên hòa giải do Tòa án tiến hành cùng ngày 17/11/2020, các đương sự có ý kiến như sau:

Về tình cảm: Anh H giữ yêu cầu giải quyết ly hôn chị T. Chị T không nhất trí ly hôn anh H vì cho rằng khi chưa được Tòa án giải quyết ly hôn mà anh H đã ngoại tình với người khác (Anh H đi cùng xe mô tô với người phụ nữ khác và có cử chỉ thân mật).

Về con chung: Anh H và chị T cùng yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Lò Thị Phương T. Tuy nhiên anh H không yêu cầu chị Thanh cấp dưỡng nuôi con chung, còn chị T thì yêu cầu anh H cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng đối với cháu T.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh H tự nguyện thanh toán thêm cho chị T 5.000.000đ (Năm triệu đồng) ngoài số tài sản chị T đã nhận tại biên bản chia tài sản ngày 30/8/2018. Chị Thanh nhất trí.

Ngày 29/12/2020, Anh Lò Văn H đã giao nộp Tòa án tài liệu sau: Công văn số 07/CV-CAX ngày 22/12/2020 của Công an xã Dømm Cang huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/01/2021(Lần hai), các đương sự có ý kiến như sau:

Về tình cảm: Anh H xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Do vậy giữ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn Thanh. Chị T không nhất trí ly hôn vì chưa có kết quả giải quyết đơn của Phòng giáo dục huyện Sốp Cộp về việc chị tố cáo chị Quảng Thị P ngoại tình với Anh Lò Văn H (Bắt gặp anh H đi xe mô tô với Quảng thị P và có cử chỉ thân mật với nhau).

Tại phiên tòa nguyên đơn – Anh Hải giữ yêu cầu giải quyết ly hôn chị T; nhất trí để chị T trực tiếp nuôi cháu Lò Thị Phương T, tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T 1.500.000đ/tháng.

Tại phiên tòa bị đơn – Chị T không nhất trí ly hôn; nhất trí trực tiếp nuôi cháu T và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu mức 2.000.000đ/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – Anh Lò Văn H, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ giữa Anh Lò Văn H và chị Vì Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện; thỏa mãn điều kiện kết hôn và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do vậy được pháp luật thừa nhận là quan hệ vợ chồng, theo quy định tại các Điều 10 và 12 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2000.

[2.2] Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của anh H đối với chị T, Tòa án nhận thấy: Do có mâu thuẫn về tình cảm từ tháng 8/2018 nên anh H và chị T đã tự thỏa thuận chia tài sản chung và sống ly thân từ ngày 30/8/2018 đến nay, không còn ai quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng (Bút lục 6, 7 hồ sơ). Điều đó thể hiện mâu thuẫn là đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần giải quyết ly cho anh H ly hôn T, theo quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Có 02 cháu là Lò Văn K, sinh ngày 27/7/2000 và Lò Thị Phương T, sinh ngày 18/10/2006. Xét cháu Khoa đã trưởng thành (Trên 18 tuổi), do vậy không đặt ra vấn đề giải quyết. Đối với cháu T cần ghi nhận sự thỏa

thuận của các bên đương sự tại phiên tòa và ý kiến của cháu về việc chị Thanh là người trực tiếp nuôi cháu Lò Thị Phương T, sinh ngày 18/10/2006. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu theo khả năng thu nhập thực tế là 1.600.000đ/tháng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng trên tháng); thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai cản trở, theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung, vay nợ tài sản chung: Do các bên đương sự đã tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết. Do vậy Tòa án không xem xét, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

- Anh H là nguyên đơn do đó phải chịu toàn bộ án phí giải quyết ly hôn là 300.000đ, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Anh H là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ nên phải nộp án phí, theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Xử cho Anh Lò Văn H ly hôn chị Vi Thị T.

2. Về con chung:

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị T về việc chị T là trực tiếp nuôi cháu Lò Thị Phương T, sinh ngày 18/10/2006;

- Buộc Anh Lò Văn H cấp dưỡng nuôi cháu Lò Thị Phương T cùng chị Vi Thị T mức 1.600.000đ/tháng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng trên tháng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02/2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi;

- Anh Lò Văn H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai cản trở.

3. Về án phí:

- Buộc Anh Lò Văn H chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ do anh H đã

nộp, theo biên lai thu số: AA/2016/0004885, ngày 28/10/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La;

- Buộc Anh Lò Văn H nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Báo cho Anh Lò Văn H và chị Vì Thị T biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận; nếu không có sự thỏa thuận về lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- Viện kiểm sát (2 bản);
- Các đương sự;
- UBND xã Dồm Cang;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kỳ Việt